

Số: 4538/QĐ-BVĐKBN2

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng lần 1

Gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 10099/QĐ-BVĐKBN2 ngày 31/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt dự toán thu- chi năm 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 9868/QĐ-BVĐKBN2 ngày 24/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-BVĐKBN2 ngày 22/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục, số lượng,

yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-BVĐKBN2 ngày 05/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt giá gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-BVĐKBN2 ngày 11/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BVĐKBN2 ngày 26/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt E-hồ sơ mời thầu gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-hồ sơ dự thầu lần 1 ngày 08/05/2026 của Tổ chuyên gia gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lần 1 của Tổ thẩm định ngày 15/05/2026;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lần 1 của gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600064689-00
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đĩnh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027
- Giá gói thầu: 63.996.228.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn đồng.*)

- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, xét theo từng phần của gói thầu qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Mã phần lô	Tên phần lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do loại nhà thầu
PP2600066584: Bộ bơm xi măng loại có bóng				
		Công ty Cổ phần Công nghệ kỹ thuật và thiết bị y tế Hải Âu	0106555509	Nhà thầu xếp hạng 2 về giá
		Công ty TNHH Vật tư y tế Minh Long	0106756501	Nhà thầu xếp hạng 3 về giá
		Công ty Cổ phần Công nghệ y tế BMS	0101605379	Không đạt về kỹ thuật
		Công ty cổ phần Đầu tư Tuấn Ngọc Minh	0103086880	Không đạt về kỹ thuật
		Công ty TNHH Thiết bị y tế Minh Việt	0106154867	Không đạt về kỹ thuật
PP2600066585: Bộ bơm xi măng loại có bóng cong				
		Công ty TNHH Vật tư trang thiết bị y tế Hà Anh	0109338735	Nhà thầu xếp hạng 2 về giá
		Công ty Cổ phần Group phát triển sức khỏe	0101509481	Nhà thầu xếp hạng 3 về giá
		Công ty Cổ phần Công nghệ y tế BMS	0101605379	Không đạt về kỹ thuật
		Công ty cổ phần Đầu tư Tuấn Ngọc Minh	0103086880	Không đạt về kỹ thuật
PP2600066586: Bộ bơm xi măng loại không bóng				
		Công ty Cổ phần Công nghệ kỹ thuật và thiết bị y tế Hải Âu	0106555509	Nhà thầu xếp hạng 2 về giá
		Công ty Cổ phần Công nghệ y tế BMS	0101605379	Không đạt về kỹ thuật
		Công ty cổ phần Đầu tư Tuấn Ngọc Minh	0103086880	Không đạt về kỹ thuật
		Công ty TNHH Thiết bị y tế Minh Việt	0106154867	Không đạt về kỹ thuật
PP2600066588: Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài không xi măng				
		Công ty Cổ phần Công nghệ y tế Châu	0105794550	Nhà thầu xếp

Mã phần lô	Tên phần lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do loại nhà thầu
		Thành		hạng 2 về giá
		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Năm	0105481660	Nhà thầu xếp hạng 3 về giá
PP2600066589: Bộ khớp háng bán phần chuỗi ngắn không xi măng				
		Công ty TNHH Medison - Việt Nam	0105281397	Nhà thầu xếp hạng 2 về giá
PP2600066590: Bộ khớp háng toàn phần không xi măng				
		Công ty TNHH Medison - Việt Nam	0105281397	Nhà thầu xếp hạng 2 về giá
		Công ty Cổ phần Công nghệ y tế BMS	0101605379	Không đạt về kỹ thuật
PP2600066591: Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chỏm sứ, lót liên kết ngang				
		Công ty TNHH Trang thiết bị y tế HQ Hà Nội	0106343825	Nhà thầu xếp hạng 2 về giá
		Công ty TNHH Medison - Việt Nam	0105281397	Nhà thầu xếp hạng 3 về giá
		Công ty Cổ phần Công nghệ y tế BMS	0101605379	Không đạt về kỹ thuật
PP2600066596: Nẹp vít mini				
		Công ty TNHH Medison - Việt Nam	0105281397	Nhà thầu xếp hạng 2 về giá

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu được nêu tại Bảng số 01

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao phòng Tài chính kế toán, phòng Vật tư căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng phòng vật tư và các nhà thầu trúng thầu căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh BN, SYT BN;
- Lưu: VT, Tổ chuyên gia.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC 1: Thông tin về nhà thầu trúng thầu

(Đính kèm Quyết định số 4538/QĐ-BVĐKBN2 ngày 19/05/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng lần 1)

Mã phân lô	Tên phân lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
PP2600066584	Bộ bơm xi măng loại có bóng	Công ty TNHH Vật tư trang thiết bị y tế Hà Anh	0109338735	19.250.000.000	19.250.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066585	Bộ bơm xi măng loại có bóng cong	Công ty Cổ phần Công nghệ kỹ thuật và thiết bị y tế Hải Âu	0106555509	6.514.000.000	6.514.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066586	Bộ bơm xi măng loại không bóng	Công ty TNHH Vật tư trang thiết bị y tế Hà Anh	0109338735	625.000.000	625.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066588	Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài không xi măng	Công ty TNHH Medison - Việt Nam	0105281397	1.410.000.000	1.410.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066589	Bộ khớp háng bán phần chuỗi ngắn không xi măng	Công ty Cổ phần Công nghệ y tế Châu Thành	0105794550	2.736.000.000	2.736.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066590	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Công ty Cổ phần Công nghệ y tế Châu Thành	0105794550	4.942.000.000	4.942.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066591	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chỏm sứ, lót liên kết	Công ty Cổ phần Công nghệ y tế Châu Thành	0105794550	8.244.000.000	8.244.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Mã phân lô	Tên phân lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
	ngang						
PP2600066595	Đinh nội tùy, vít	Công ty TNHH Medison - Việt Nam	0105281397	2.887.600.000	2.887.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066596	Nep vít mini	Công ty TNHH K.A.L.H.U	0401321018	90.000.000	90.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU

(Đính kèm Quyết định số 4538/QĐ-BVĐKBN2 ngày 19/05/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng lần 1)

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng	
1	PP2600066584: Bộ bơm xi măng loại có bóng															19.250.000.000
1.1			Bộ bơm xi măng loại có bóng	Bộ bơm xi măng loại có bóng	KTY11-002V (bao gồm các mã: KTY11-WTR/ KTY11-WB; KTY11-DRI); KTRB10J/ KTRB15J/ KTRB20J; KTY-INFA; KTY11-FIL6 (mã bộ KTY11-FIL6 gồm 6 kim chọc mã KTY11-FIL); KPASH	KTY11-002V (bao gồm các mã: KTY11-WTR/ KTY11-WB; KTY11-DRI); KTRB10J/ KTRB15J/ KTRB20J; KTY-INFA; KTY11-FIL6 (mã bộ KTY11-FIL6 gồm 6 kim chọc mã KTY11-FIL); KPASH	2025 trở về sau	Ý	Biopsybell S.r.l.	Bao gồm - Mã hàng tổng KTY11-002V gồm: + 02 kim chọc dò cuống sống 11G, dạng mũi vát bevel/ trocar. Kim có chiều dài hoạt động 120mm, chiều dài toàn bộ 171mm. (Mã hàng: KTY11-WTR/ KTY11-WB) + 01 kim chọc khoan tạo đường hầm, chiều dài 182mm, đường kính 3,00mm (Mã hàng: KTY11-DRI) - 02 Bóng nong thân đốt sóng có các cỡ 10/15/20mm, áp suất tối đa 400 PSI. (Mã hàng: KTRB10J/ KTRB15J/ KTRB20J) - 02 Bơm bóng dùng đồng hồ dạng analog, áp lực tối đa 440 PSI (Mã hàng: KTY-INFA) - 01 Bộ kim chọc bơm xi măng (mã 01 bộ: KTY11-FIL6) gồm 06 kim chọc bơm xi măng (mã 01 kim: KTY11-FIL). Mỗi kim gồm vỏ và nòng, dài 182mm, vỏ có đường kính ngoài và đường kính trong lần lượt là 3.0mm và 2.15mm, nòng có đường kính 2.0mm.	Bộ	500	9018	34.000.000	17.000.000.000	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
										- 01 Bộ trộn xi măng hoàn toàn khép kín dung tích 90cc, sử dụng bi lắc. (Mã hàng: KPASH)					
1.2			Xi măng xương cột sống dùng với bộ bơm xi măng loại có bóng	Xi măng dùng trong tạo hình thân đốt sống Mendec Sipne Resin	1230	1230	2025 trở về sau	Ý	Tecres S.p.A.	- 01 gói Xi măng xương độ nhớt thấp, dùng trong phẫu thuật cột sống, thành phần bao gồm: + Bột xi măng 20g (thành phần: 67,5% (13,5g) PMMA (Polymethylmethacrylate) ; 30,0% Barium sulphate; 2,5% (0,5g) Benzoyl peroxide); + Dung dịch pha xi măng 10ml (9,4g) (thành phần: 99,1% (9.91ml) Methyl methacrylate; 0,9% N-N dimethyl-p-toluidine). + Ở nhiệt độ phòng 20 độ C: Thời gian trộn 01 phút, thời gian đưa xi vào kim 01 phút, thời gian chờ 05 phút, thời gian làm việc 19 phút, thời gian đông cứng hoàn toàn khoảng 06 phút (Mã hàng: 1230)	Gói	500	3006	4.500.000	2.250.000.000
2	PP2600066585: Bộ bơm xi măng loại có bóng cong														6.514.000.000
2.1			Bộ bơm xi măng loại có bóng cong	Bộ bơm xi măng có bóng loại bóng cong	C/ZC-type-4.2 + C/SZ-type I-3.5 + T/type(flat)-3.0 + BL-Z3/15 + BL-CY-20 + Mixi 200	Changzhou Blon minimally invasive medical device technology Co.,Ltd + Tsunami Medical S.r.l	2025 trở đi	Trung Quốc + Ý	Changzhou Blon minimally invasive medical device technology Co.,Ltd + Tsunami Medical S.r.l	Bao gồm: - 01 kim chọc dò cuồng sống mũi vát. - 01 kim chọc khoan tạo đường hầm đầu cong. - 01 bóng nong dạng cong cỡ: 20mm: Áp suất tối đa: 400 psi. - 01 bơm bóng có đồng hồ dạng analog. - 04 kim chọc đẩy xi măng và 01 bộ trộn tách rời.	Bộ	200	9018	27.580.000	5.516.000.000
2.2			Xi măng xương	Xi măng xương độ nhớt thấp	10KBVLV	Kibo Biologics S.r.l	2025 trở đi	Ý	Kibo Biologics S.r.l	Bao gồm: - Xi măng xương dùng cho phẫu thuật cột sống:	Gói	200	3006	4.990.000	998.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
			cột sống dùng với bộ bơm xi măng loại có bóng cong							+ Khối lượng xi măng: 20g. + Thành phần: 13,93g PMMA (Polymethyl Methacrylate); 0.07g Benzoyl peroxid; BaSO4 (Bariumsulfat). + Thời gian làm việc: trên 18 phút ở nhiệt độ 23°C - Dung dịch pha: + Thể tích: 10ml + Thành phần: 9,8 ml MMA (Methyl Methacrylate) - Xuất xứ: G7					
3	PP2600066586: Bộ bơm xi măng loại không bóng														625.000.000
3.1			Bộ bơm xi măng loại không bóng	Bộ bơm xi măng loại không bóng	VTPP-1112/ VTPP-1115/ VTPP-1312/ VTPP-1315; P-INJECT/ P-INJECT1; 900129	VTPP-1112/ VTPP-1115/ VTPP-1312/ VTPP-1315; P-INJECT/ P-INJECT1; 900129	2025 trở về sau	Ý	Biopsybell S.r.l.; G21 S.r.l.	Bao gồm: - 02 Kim chọc dò cuống sống đầu vát (kiểu vát Bevel), chất liệu thép AISI 304 và nhựa ABS, cỡ 11G hoặc 13G, có chiều dài các cỡ 120mm/ 150mm. (Mã hàng: VTPP-1112/ VTPP-1115/ VTPP-1312/ VTPP-1315) - 01 Bộ Bơm áp lực đẩy xi măng dạng pittong xoắn, dung tích 10ml (Mã hàng: P-INJECT/ P-INJECT1) - Bộ trộn xi măng PicoMix-V loại tay quay, dung tích 40ml (40cc) có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml (Mã hàng: 900129)	Bộ	50	9018	8.000.000	400.000.000
3.2			Xi măng xương cột sống dùng với bộ bơm xi măng loại không	Xi măng xương độ nhớt thấp dùng trong phẫu thuật cột sống có thời gian làm việc dài OSTEOPAL PLUS	66045747	66045747	2025 trở về sau	Đức	Heraeus Medical GmbH	- 01 gói Xi măng xương độ nhớt thấp, dùng trong phẫu thuật cột sống, thành phần bao gồm: + Bột xi măng 26g (thành phần: 14.2g PMMA (Polymethyl Methacrylate); 11.7g Zirconium dioxide; 0.1g Benzoyl peroxide)); + Dung dịch pha xi măng 10ml (thành phần: 9.35g	Gói	50	3006	4.500.000	225.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
			bán phần chuỗi ngắn không xi măng	kiểu chuỗi 165		Instruments Co. Ltd	đi		Instruments Co. Ltd	Titanium, lớp ngoài phủ bằng HA (Hydroxyapatite). + Có 3 điểm tỷ, có rãnh dọc rãnh ngang + Góc cổ: 133 độ + Chiều dài: 110-170mm (bước giảm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất). + Taper (cổ côn): 12/14. - Chôm khớp: + Chất liệu: hợp kim CoCr (Cobalt Chrome). + Có tối thiểu 02 đường kính trong khoảng từ 22mm đến 28mm. - Ổ cối: + Chất liệu vỏ: Hợp kim CoCr (Cobalt Chrome) + Chất liệu lót: Polyethylene cao phân tử. + Có các cỡ từ 38-72 cách nhau 1mm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đạt CE (Châu Âu). - Để đảm bảo tính đồng bộ và tương thích của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, cả bộ cùng một chủ sở hữu					
7	PP2600066590: Bộ khớp háng toàn phần không xi măng														4.942.000.000
7.1			Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Khớp háng toàn phần gờ chống trật ổ cối 3D kiểu chuỗi 165	165; Φ6.5; T; 52	Beijing Chunlizhengda Medical Instruments Co. Ltd	Từ 2025 trở đi	Trung Quốc	Beijing Chunlizhengda Medical Instruments Co. Ltd	Bao gồm: - Chuôi khớp: + Chất liệu: Hợp kim Titanium, lớp ngoài phủ bằng HA (Hydroxyapatite). + Có 3 điểm tỷ, có rãnh dọc rãnh ngang + Góc cổ: 133 độ + Chiều dài: 110-170mm (bước giảm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất). + Có tối thiểu 02 chiều dài cổ	Bộ	140	9021	35.300.000	4.942.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
										<p>chuôi theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Taper (cổ côn): 12/14 - Chôm khớp: + Chất liệu: hợp kim CoCr (Cobalt-Chromium). + Tối thiểu có các đường kính: 28mm, 32mm, 36mm - Hàng hóa dự thầu - Ổ cối 52 là 1 dạng ổ cối hoàn chỉnh đã bao gồm 1 ổ cối kim loại và 1 lớp lót tương thích đi kèm. <p>Trong đó:</p> <p>1.1. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: hợp kim titanium, phù dạng xương xốp (cấu trúc 3D - Trabecular Metal) . + Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 46mm đến 58mm. <p>Ngoài ra, hàng hóa dự thầu còn có thêm các đường kính 42, 44, 60-74mm</p> <p>1.2. Lót ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo hoặc liên kết ngang. + Có góc chống trật: 20° + Có các đường kính tương ứng với đường kính của Ổ cối. <ul style="list-style-type: none"> - Vít ổ cối: + Chất liệu: hợp kim Titanium. + Đường kính: 6.5mm. + Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 40mm. - Đạt CE (Châu Âu). - Đề đảm bảo tính đồng bộ và tương thích của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, cả bộ hàng hóa dự thầu là 					

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
8	PP2600066591	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm sứ, lót liên kết ngang													8.244.000.000
8.1			Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm sứ, lót liên kết ngang	Khớp háng toàn phần gờ chống trật ổ cối 3D chòm ceramic kiểu chuỗi 165	165; Φ6.5; TB; 52	Beijing Chunlizhengda Medical Instruments Co. Ltd	Từ 2025 trở đi	Trung Quốc	Beijing Chunlizhengda Medical Instruments Co. Ltd	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuôi khớp: + Chất liệu: Hợp kim Titanium, lớp ngoài phủ bằng HA (Hydroxyapatite). + Có 3 điểm tỳ, có rãnh dọc rãnh ngang + Góc cổ: 133 độ + Chiều dài: 110-170mm (bước giảm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất). + Có tối thiểu 02 chiều dài cổ chuỗi theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất + Taper (cổ côn): 12/14 - Chòm khớp: + Chất liệu: ceramic + Tối thiểu có các đường kính: 28mm, 32mm, 36mm - Hàng hóa dự thầu - Ổ cối 52 là 1 dạng ổ cối hoàn chỉnh đã bao gồm 1 ổ cối kim loại và 1 lớp lót tương thích đi kèm. <p>Trong đó:</p> <p>1.1. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: hợp kim titanium, phủ dạng xương xốp (cấu trúc 3D - Trabecular Metal) . + Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 46mm đến 58mm. <p>Ngoài ra, hàng hóa dự thầu còn có thêm các đường kính 42, 44, 60-74mm</p> <p>1.2. Lót ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo hoặc liên kết ngang. + Có gờ chống trật: 20° + Có các đường kính tương ứng với đường kính của Ổ 	Bộ	180	9021	45.800.000	8.244.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
										côi. - Vít ổ côi: + Chất liệu: hợp kim Titanium. + Đường kính: 6.5mm. + Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 40mm. - Đạt CE (Châu Âu). - Để đảm bảo tính đồng bộ và tương thích của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, cả bộ hàng hóa dự thầu là cùng một chủ sở hữu					
12	PP2600066595: Đinh nội tủy, vít														2.887.600.000
12.1			Đinh nội tủy xương chày có chốt	Đinh nội tủy xương chày có chốt	B00600014; B00600015; B00600016; B00600017; B00600018; B00600019; B00600020; B00600021; B00600022; B00600023; B00600024; B00600025; B00600026; B00600027; B00600028; B00600029; B00600030; B00600031; B00600032; B00600033; B00600034; B00600100	B00600014; B00600015; B00600016; B00600017; B00600018; B00600019; B00600020; B00600021; B00600022; B00600023; B00600024; B00600025; B00600026; B00600027; B00600028; B00600029; B00600030; B00600031; B00600032; B00600033; B00600034; B00600100	2025 trở đi	Trung Quốc	Beijing Libeier BioEngineering Institute Co., Ltd	- Vật liệu: hợp kim titanium - Đinh có 7 lỗ bắt vít, đầu đinh cong 10 độ. - Có các đường kính trong khoảng từ 8.4mm đến 11.0mm. - Có các chiều dài từ 260mm đến 380mm - Khoảng cách lỗ thấp nhất đến đầu đinh 5mm - Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu). - Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	300	9021	4.640.000	1.392.000.000
12.2			Đinh nội tủy đầu trên xương	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi	B00500001; B00500002; B00500003; B00500004; B00500005;	B00500001; B00500002; B00500003; B00500004; B00500005;	2025 trở đi	Trung Quốc	Beijing Libeier BioEngineering Institute Co., Ltd	- Vật liệu: hợp kim titanium - Có các đường kính trong khoảng từ 9.4mm đến 12mm. - Có các chiều dài: từ 170mm đến 240mm.	Cái	20	9021	9.000.000	180.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
			đùi		B00500006; B00500007; B00500008; B00500009; B00500010; B00500011	B00500006; B00500007; B00500008; B00500009; B00500010; B00500011				- Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu). - Xuất xứ: Trung Quốc					
12.3			Đinh nội tủy xương đùi có chốt	Đinh nội tủy xương đùi có chốt	B00500132; B00500133; B00500134; B00500135; B00500136; B00500137; B00500138; B00500139; B00500140; B00500141; B00500142; B00500143; B00500144; B00500145; B00500146; B00500147; B00500148; B00500149; B00500150; B00500151; B00500152; B00500153; B00500154; B00500155; B00500156; B00500157; B00500158; B00500159; B00500160; B00500161	B00500132; B00500133; B00500134; B00500135; B00500136; B00500137; B00500138; B00500139; B00500140; B00500141; B00500142; B00500143; B00500144; B00500145; B00500146; B00500147; B00500148; B00500149; B00500150; B00500151; B00500152; B00500153; B00500154; B00500155; B00500156; B00500157; B00500158; B00500159; B00500160; B00500161	2025 trở đi	Trung Quốc	Beijing Libeier BioEngineering Institute Co., Ltd	- Vật liệu: hợp kim titanium - Đinh có 4 lỗ bắt vít. - Có các đường kín trong khoảng từ 9.4mm đến 11.0mm. - Có các chiều dài trong khoảng từ 320 mm đến 420mm. - Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu). - Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	200	9021	4.640.000	928.000.000
12.4			Vít chốt ngang	Vít chốt ngang	B00500115; B00500116; B00500117; B00500118; B00500119; B00500120;	B00500115; B00500116; B00500117; B00500118; B00500119; B00500120;	2025 trở đi	Trung Quốc	Beijing Libeier BioEngineering Institute Co., Ltd	- Vật liệu: hợp kim titanium - Tạo ren toàn thân vít. - Đường kính: 5.0mm. - Có các chiều dài trong khoảng từ 25mm đến 75mm. - Đạt chứng nhận/chứng chỉ:	Cái	600	9021	584.000	350.400.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
					B00500121; B00500122; B00500123; B00500124; B00500125	B00500121; B00500122; B00500123; B00500124; B00500125				CE (Châu Âu). - Xuất xứ: Trung Quốc					
12.5			Vít nén ép cổ xương đùi	Vít nén ép cổ xương đùi	B00500042; B00500043; B00500044; B00500045; B00500046; B00500047	B00500042; B00500043; B00500044; B00500045; B00500046; B00500047	2025 trở đi	Trung Quốc	Beijing Libeier BioEngineering Institute Co., Ltd	- Vật liệu: hợp kim titanium - Đường kính: 10.5mm - Có các chiều dài trong khoảng từ 75mm đến 100mm. - Dùng được với mặt hàng STT 12.2 (Đinh nội tủy Đinh nội tủy đầu trên xương đùi). - Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu). - Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	20	9021	1.860.000	37.200.000
13	PP2600066596: Nẹp vít mini														90.000.000
13.1			Nẹp mini	- Nẹp xương sọ thẳng, dày 0.6mm, Titanium - Nẹp mini thẳng, dày 1.0mm, Titanium	50-31-103; 50-31-107; 50-31-109; 50-32-157; 50-32-161; 50-32-163	Rebstock Instruments GmbH	2025 trở về sau	Đức	Rebstock Instruments GmbH	- Chất liệu: Titanium - Thân nẹp thẳng. - Có 02 đường kính 1.6mm và 2.0mm. - Số lỗ trên thân 4, 6, 8 lỗ. - Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu). - Xuất xứ: Đức	Cái	40	9021	750.000	30.000.000
13.2			Vít mini	- Vít sọ tự taro đường kính 1.6mm, Titanium - Vít sọ tự khoan đường kính 1.6mm, Titanium - Vít mini tự khoan đường kính 2.0mm, Titanium - Vít mini tự taro đường kính 2.0mm, Titanium	50-31-301; 50-31-302; 50-31-303; 50-31-304; 50-31-305; 50-31-306; 50-31-320; 50-31-321; 50-31-322; 50-31-323; 50-31-324; 50-31-325; 50-31-326; 50-31-327; 50-31-328; 50-31-329; 50-31-330; 50-31-351; 50-31-352; 50-31-353; 50-31-354; 50-31-355; 50-31-356; 50-31-357;	Rebstock Instruments GmbH	2025 trở về sau	Đức	Rebstock Instruments GmbH	- Chất liệu: Hợp kim titanium - Tạo ren toàn thân vít. - Có 02 đường kính 1.6mm và 2.0mm. - Có các chiều dài từ 4mm đến 21mm. - Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu). - Xuất xứ: Đức	Cái	200	9021	300.000	60.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng	
					50-31-358; 50-31-359; 50-31-360; 50-31-361; 50-31-362; 50-31-363; 50-32-320; 50-32-321; 50-32-322; 50-32-323; 50-32-324; 50-32-325; 50-32-326; 50-32-327; 50-32-328; 50-32-329; 50-32-330; 50-32-331; 50-32-332; 50-32-333; 50-32-370; 50-32-371; 50-32-372; 50-32-373; 50-32-350; 50-32-351; 50-32-352; 50-32-353; 50-32-354; 50-32-355; 50-32-356; 50-32-357; 50-32-358; 50-32-359; 50-32-360; 50-32-361; 50-32-362; 50-32-363											
TỔNG CỘNG															46.698.600.000	
<i>(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng)</i>																